

TIỀM NĂNG KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG Ở BÌNH PHƯỚC VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

KS. NGUYỄN VĂN BIÊN - *Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Phước*

TS. BUI HOÀNG BẮC - *Trường Đại học Mỏ-Địa chất*

1. Tiềm năng khoáng sản làm VLXD trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Trên địa bàn tỉnh Bình Phước có nhiều loại khoáng sản VLXD như đá vôi, đá xây dựng (andesit, bazan, granodiorit) và sét gạch ngói. Các loại khoáng sản VLXD có tiềm năng nhất về trữ lượng, giá trị sử dụng và cũng đang được khai thác sử dụng nhiều nhất trên địa bàn của tỉnh là đá vôi, andesit, bazan, granodiorit và sét gạch ngói.

Qua điều tra, khảo sát thăm dò địa chất khoáng sản, đến nay tỉnh Bình Phước đã phát hiện 91 điểm mỏ khoáng sản được chia làm 04 nhóm chính: Nhóm kim loại, nhóm nguyên liệu phân bón, nhóm vật liệu xây dựng và xi măng, nhóm khoáng chất công nghiệp, trong đó nhóm vật liệu xây dựng và xi măng là có tiềm năng nhất về trữ lượng, cụ thể như sau:

❖ Đá vôi sản xuất xi măng, tài nguyên dự báo khoảng 1.142 ngàn tấn, trong đó cấp 121+122 là 684.297 ngàn tấn.

❖ Puzolan làm phụ gia xi măng: tài nguyên dự báo 176 triệu tấn, trong đó cấp 121+122 là 42.755 ngàn tấn.

❖ Sét gạch ngói: tài nguyên dự báo 81,24 triệu tấn, trong đó cấp 121+122 là 3.745 ngàn tấn.

❖ Đá xây dựng: tài nguyên dự báo 11.467,9 triệu m³, trong đó cấp 121+122 là 152 triệu m³.

Các loại khoáng sản trên có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Ngoài ra, tỉnh Bình Phước còn một số loại khoáng sản có giá trị khác như sét, bazan (puzolan) làm phụ gia xi măng.... đến nay chưa có điều kiện đánh giá hết tiềm năng, chỉ một số điểm mỏ đầu tư thăm dò, khai thác mới xác định được trữ lượng.

2. Các tác động tới môi trường trong hoạt động khoáng sản nói chung và VLXD trên địa bàn tỉnh Bình Phước nói riêng

Môi trường tự nhiên khu mỏ đã và đang khai thác được hình thành từ lâu bởi các hoạt động tự

nhiên hoặc do hoạt động khai hoang cải tạo của con người, các yếu tố cân bằng sinh thái đã tạo lập. Vì vậy quá trình thăm dò, khai thác mỏ chắc chắn sẽ tác động đến môi trường tự nhiên này, dẫn đến mất cân bằng sinh thái dù chỉ tạm thời.

Việc đánh giá các tác động môi trường trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản sẽ làm sáng tỏ các tác động tích cực cũng như tiêu cực về môi trường nói chung (đất, nước, không khí, kinh tế, xã hội,...), giúp các ngành chức năng có biện pháp bảo vệ môi trường bền vững.

Một cách tổng quát, các hoạt động chính trong thăm dò, khai thác và chế biến của một số khoáng sản sẽ gây ô nhiễm môi trường bởi các công đoạn chính sau:

❖ Khoan, khai đào các công trình sâu (hào, hố, giếng) trong thăm dò mỏ;

❖ Khoan, đào, nổ mìn trong mỏ moong khai thác;

❖ Chế biến các loại khoáng sản tại nơi khai thác;

❖ Xây dựng cơ sở hạ tầng (nhà máy chế biến, đường giao thông, các công trình phụ trợ liên quan).

Các hoạt động này sẽ tác động gây ô nhiễm đến các đối tượng môi trường thạch quyển, khí quyển, nước và hệ sinh thái, kinh tế - xã hội, ...

Do tính đến hiệu quả kinh tế, nên phần lớn các mỏ khi đưa vào thăm dò, khai thác đều phải gần nơi tiêu thụ và thuận tiện giao thông, đặc biệt đối với các mỏ về nguyên vật liệu xây dựng.

Trên địa bàn tỉnh Bình Phước hầu hết các mỏ về VLXD đã và đang khai thác đều nằm gần các trục đường QL13, QL14, QL741, ... và gần các khu trung tâm kinh tế (thị xã Đồng Xoài, thị xã Bình Long, thị xã Phước Long, thị trấn Chơn Thành, ...). Quá trình thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản đã ít nhiều tác động xấu đến các công trình phúc lợi: nước sinh hoạt, đường giao thông vận tải, đất nông nghiệp, mạng lưới điện quốc gia và địa phương, các khu tài nguyên và môi trường, các trường học, bệnh viện, khu giải trí, bảo vệ sức khỏe, các khu đô thị và dân cư.

3. Các giải pháp phát triển bền vững ngành khai thác VLXD ở Bình Phước

Dựa trên điều kiện cụ thể và phương hướng phát triển của địa phương và khu vực trong tương lai, để phát triển bền vững ngành khai thác VLXD ở Bình Phước, chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau:

3.1. Hướng tới thân thiện với môi trường trong khai thác, chế biến VLXD

3.1.1 Công nghệ khai thác, chế biến VLXD thân thiện môi trường

Công nghệ khai thác, chế biến thân thiện môi trường trong hoạt động khai thác VLXD là quy trình khai thác hợp lý, sao cho tiêu tốn năng lượng ít, tổn thất tài nguyên là ít nhất, đem lại lợi ích kinh tế cao, chất lượng thải ít, không gây ô nhiễm môi trường, đồng thời ít tác hại đến các dạng tài nguyên hiện có như: đất đỏ bazan, nước mặt và nước ngầm, thảm thực vật rừng, cây trồng nông nghiệp và công nghiệp... không tạo điều kiện phát sinh vấn đề xói mòn, rửa trôi đất; đồng thời không tạo ra những nguy cơ dẫn đến mâu thuẫn, xung đột xã hội, không ảnh hưởng đến lợi ích và sức khỏe của người dân, nhất là đối với cộng đồng dân tộc ít người ở địa phương.

Quy trình công nghệ khai thác, chế biến vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường gồm các công đoạn:

- ❖ **Lập quy hoạch tổng thể:** Công đoạn đầu tiên này rất cần thiết nhằm đảm bảo rằng hoạt động khai thác VLXD sẽ được tiến hành quy hoạch chung, tránh sự lộn xộn, chồng chéo, cũng là cơ sở để theo dõi, thanh tra giám sát hoạt động khoáng sản.

- ❖ **Xét duyệt hồ sơ và cấp giấy phép khai thác mỏ:** Công đoạn này tạo hành lang pháp lý cho hoạt động khai thác khoáng sản, diện tích, ranh giới mỏ, các vấn đề bảo vệ môi trường... được xác định cụ thể trong giấy phép. Không chia xẻ khu vực rộng lớn chứa vật liệu xây dựng thành những mảnh nhỏ để cấp phép "khai thác tận thu".

- ❖ **Thăm dò, đánh giá, nâng cấp trữ lượng:** Nhằm giảm tổn thất tài nguyên, tăng hệ số thu hồi khoáng sản, cần bổ sung thăm dò khai thác để xác định chính xác sự phân bố không gian, độ sâu.

- ❖ **Lập kế hoạch khai thác VLXD:** Kế hoạch chi tiết về khai thác VLXD giúp tránh tác động tiêu cực. Không khai thác VLXD ở khu vực sinh thái nhạy cảm dù rằng ở đó rất giàu khoáng sản để bảo vệ đa dạng sinh học. Lập kế hoạch khai thác theo mùa và kịp thời hoàn thổ, trả lại dạng địa hình ban đầu vốn đã đạt cân bằng tự nhiên để tránh xói mòn, rửa trôi đất, bồi lấp dòng chảy.

- ❖ **Thiết kế khai thác mỏ chi tiết:** Trong thiết kế cần tính toán kỹ sao cho đạt hiệu quả tối ưu: năng suất cao, thu hồi được nhiều khoáng sản nhất, môi trường

ít bị ảnh hưởng. Cần xác định rõ phương thức khai thác, chia lô khai thác và đổ thải hợp lý, phương pháp hoàn thổ, kế hoạch phục hồi môi trường.

- ❖ **Hoạt động khai thác theo quy trình:** Moong khai thác mỏ đúng theo thiết kế. Tùy theo địa hình chọn vị trí đầu tiên thuận lợi để tiến hành khai thác theo lối cuốn chiếu, theo trình tự khai thác đã lựa chọn trong thiết kế mỏ. Khai thác đến đâu hoàn thổ tới đó, vừa khai thác và chế biến khoáng sản, vừa thải bỏ đất phủ lại phía sau, tự động lấp lại hố trống.

- ❖ **Tổ chức hợp lý vận tải mỏ:** Vận tải mỏ phải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Bằng nhiều cách giảm lượng bụi phát tán trong không khí. Khuyến khích sử dụng băng tải trong vận chuyển khoáng sản.

- ❖ **Hoàn thổ kịp thời:** Nhằm trả lại bề mặt địa hình, hạn chế suy giảm nước ngầm, phòng tránh sỏi mòn rửa trôi và hoang mạc hóa. Tuân thủ nghiêm ngặt biện pháp đổ thải trong, để tạo lập mặt bằng địa hình, tiết kiệm tiền san ủi sau khai thác.

- ❖ **Phục hồi môi trường đầy đủ:** Là tiêu chí quan trọng thể hiện sự thân thiện môi trường. Trồng lại rừng và cây kinh tế phù hợp (cao su, điều, cà phê, tiêu...) theo hướng dẫn kỹ thuật lâm nghiệp để phủ xanh đất đồi, lưu giữ nước.

- ❖ **Bàn giao đất sau khai thác VLXD:** Đất là tài nguyên thiên nhiên thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước trực tiếp quản lý. Đất và rừng ở Bình Phước từ lâu đã có chủ. Hoạt động khai thác, chế biến VLXD chiếm dụng đất tạm thời, dù đó là 10-50 năm. Sau khi hoàn thổ, phục hồi môi trường xong đến đâu, thì đất đai phải được bàn giao lại cho người dân đến đó, với sự giám sát của chính quyền địa phương để họ tiếp tục thực hiện quyền sử dụng đất của mình.

- ❖ **Tự giác hỗ trợ cộng đồng:** chia sẻ lợi ích cộng đồng là cách tốt nhất để giảm nhẹ mâu thuẫn, xung đột xã hội giữa doanh nghiệp khai thác VLXD và cộng đồng địa phương. Có thể bằng nhiều cách: Thu nhận người lao động địa phương, trích lợi nhuận để giúp địa phương xây dựng cơ sở hạ tầng; làm việc từ thiện, hỗ trợ người nghèo, gia đình trong diện chính sách; đền bù thích đáng thiệt hại của dân do khai thác VLXD ...

3.1.2. Khắc phục vấn đề môi trường trong hoạt động khai thác, chế biến VLXD trên địa bàn tỉnh Bình Phước

a. Đối với thăm dò, khai thác và chế biến đá vôi, puzolan, đá xây dựng:

Ưu tiên cho các khu vực đã quy hoạch đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

Trước khi thăm dò, khai thác khoáng sản, phải có Đề án thăm dò - Dự án đầu tư khai thác khoáng sản và kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Khi thăm dò xong mà chưa đưa vào khai thác ngay thì phải có biện pháp bảo vệ môi trường: nếu có lỗ khoan và các công trình khai đào thì phải lấp, nếu đã phá thăm thực vật thì phải trồng lại hoặc bảo vệ cho tái sinh.

Quá trình khai thác phải đảm bảo tính an toàn theo yêu cầu kỹ thuật trong mở moong, khoan, nổ mìn, xúc bốc nguyên liệu, chống bụi, chống sạt lở, chống nước, chống tiếng ồn, đá văng, xử lý các chất thải rắn và nước.

Sau khi khai thác xong phải tái tạo môi trường: trồng cây hoặc cải tạo đất để sử dụng vào các mục đích có lợi như đất xây dựng, đất nông nghiệp, lâm nghiệp... nếu khai trường là địa hình dương hoặc tạo ao hồ, các cảnh quan du lịch... nếu là địa hình âm.

b. Đối với khai thác sét:

Đối với loại mỏ này, khi khai thác thường làm mất diện tích tự nhiên, tạo địa hình âm (thường sâu 2-6m hoặc lớn hơn). Đặc biệt chú ý trong quá trình khai thác. Các bờ moong khai thác phải đảm bảo độ dốc để chống sự sạt lở xói mòn vì đây là tầng đất yếu. Sau khi ngừng khai thác hoặc đóng cửa mỏ phải bồi hoàn lại đất để phục vụ vào các mục đích khác: diện tích đất canh tác, xây dựng ... (nếu bề mặt đáy khai trường dương so với xung quanh) hoặc tạo ra các ao hồ thủy sản, cảnh quan du lịch ... (nếu bề mặt khi trường âm so với bề mặt xung quanh).

3.1.3. Hoàn thổ, phục hồi môi trường trong quá trình khai thác VLXD

Giảm thiểu tác động đến tài nguyên, môi trường đất, thăm thực vật bằng công nghệ thân thiện môi trường với nội dung cơ bản là: Nghiên cứu áp dụng công nghệ hoàn thổ và phục hồi môi trường trong và sau quá trình khai thác VLXD. Tạo bãi thải ngoài cho moong khai thác đầu tiên bằng cách sử dụng những thùng lũng, hầm sâu gần nhất để đổ thải, đồng thời san bằng khu vực để giảm thiểu rửa trôi đất thải và tạo điều kiện cho việc sử dụng đất sau này. Khai thác các lỗ kế tiếp theo hình thức cuốn chiếu, khai thác đến đâu hoàn thổ đến đó nhằm giảm tác động đến môi trường. Tiến hành hoạt động trồng rừng hoặc các cây công nghiệp, lâm nghiệp xen kẽ các cây nông nghiệp. Tập trung hoàn thổ, phục hồi môi trường trước mùa mưa để ổn định bề mặt địa hình, ngăn chặn nước mưa hòa tan, rửa trôi các chất thải, vật liệu tơi xốp trong quá trình khai thác VLXD.

Việc khai thác vật liệu xây dựng với phương thức hoàn thổ phục hồi môi trường nói trên cũng có thể xem như một cách làm thay đổi môi trường đất nơi đây. Vừa khai thác được khoáng sản dưới lớp đất phủ, vừa tạo ra môi trường đất mới, phù hợp với môi trường để đạt năng suất cao hơn. Tuy

nhien, để tạo được môi trường đất mới, khả dĩ tốt hơn thì phải nghiên cứu, thử nghiệm trồng những loại cây mới trên diện tích đất sau khai thác, cùng với kế hoạch làm giàu dinh dưỡng cho đất một cách hợp lý. Sau khi hoàn thổ phục hồi môi trường theo thiết kế nói trên, thì đất mỏ sau khai thác có thể quy hoạch để sử dụng lại một cách tối ưu hơn trước: trồng rừng cho công nghiệp gỗ; điều, cao su hay những cây công nghiệp khác cho ngành chế biến; tạo ra môi trường cảnh quan mới để làm khu du lịch đạt hiệu quả kinh tế cao.

3.2. Nâng cao năng lực quản lý, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản VLXD trên địa bàn tỉnh

Vật liệu xây dựng là một trong những nguồn tài nguyên tự nhiên có tiềm năng lớn và quan trọng của Bình Phước. Tuy nhiên khai thác nguồn tài nguyên này cũng đồng nghĩa với việc phải đánh đổi phá hủy trên quy mô rộng lớn đối với tài nguyên rừng, tiềm năng đa dạng sinh học, đất canh tác nông lâm nghiệp và ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sinh thái và cuộc sống của cộng đồng. Thực trạng công tác quản lý khai thác, chế biến khoáng sản thời gian qua cho thấy, do chú trọng vào phát triển kinh tế, nhất là tăng trưởng GDP, ít chú ý đến bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái nên tình trạng khai thác khoáng sản bừa bãi gây thất thoát lãng phí tài nguyên, suy thoái môi trường và làm mất cân bằng sinh thái diễn ra ở nhiều nơi trên đất nước Việt Nam nói chung và Bình Phước nói riêng. Bên cạnh đó, công nghệ khai thác, chế biến hiện nay chưa được quan tâm đầu tư hợp lý, phần lớn sử dụng công nghệ khai thác lạc hậu. Các mỏ khoáng sản VLXD trên địa bàn tỉnh hầu hết nằm ở vùng núi, gần các khu vực sông suối nên mức độ gây ô nhiễm và làm suy thoái môi trường diễn ra ngày càng nghiêm trọng, nhất là phá rừng, hủy hoại bề mặt đất và hệ thống thủy văn, ô nhiễm nguồn nước, đất canh tác, không khí, phá vỡ các khu sinh thái, ảnh hưởng đến hoạt động của các ngành kinh tế khác như nông nghiệp,... Vì vậy, để khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản VLXD theo hướng phát triển bền vững, việc nâng cao nhận thức và năng lực trong quản lý và khai thác, chế biến khoáng sản VLXD là một vấn đề có ý nghĩa quyết định cho công tác định hướng, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình khai thác khoáng sản VLXD tại Bình Phước.

3.2.1. Nâng cao năng lực quản lý tài nguyên khoáng sản VLXD ở Bình Phước

Trong điều kiện cơ sở hạ tầng yếu kém, trình độ khoa học công nghệ, nguồn nhân lực, khả năng tiếp cận công nghệ tiên tiến hiện đại/công nghệ nguồn về khai thác chế biến khoáng sản VLXD

cũng như trình độ quản lý tài nguyên và xử lý các vấn đề môi trường của ngành khai khoáng Việt Nam nói chung và của tỉnh Bình Phước nói riêng còn nhiều hạn chế, bất cập và sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc quản lý tổ chức khai thác và giảm thiểu các tác động bất lợi. Vì vậy, trong quá trình triển khai chương trình khai thác khoáng sản VLXD, cần chuẩn bị kế hoạch đào tạo và nâng cao năng lực quản lý, trình độ khoa học kỹ thuật cho các doanh nghiệp tham gia khai thác và các địa phương. Trên cơ sở đó đưa ra quyết định nên khai thác ở mức độ nào, vào thời gian nào và ở khu vực nào phù hợp với khả năng quản lý của doanh nghiệp khai thác khoáng sản, cũng như phù hợp với trình độ quản lý của chính quyền địa phương các cấp, nhằm đạt được hiệu quả tổng hợp về kinh tế xã hội và môi trường trong điều kiện đặc thù của tỉnh Bình Phước.

a. Các giải pháp về thể chế, luật pháp, chính sách:

- ❖ Phổ biến luật Khoáng sản, đồng thời với phổ biến luật Môi trường. Các lệ phí phải nộp cho các cơ quan bảo vệ môi trường vùng mỏ, các đóng góp của mỏ vào công tác y tế-xã hội vùng mỏ, các quy định về xử phạt đối với những hành vi phạm luật.

- ❖ Hoàn thiện và cụ thể hoá luật lệ về bảo vệ môi trường (BVMT) đối với vùng mỏ.

- ❖ Kèm theo luật, cần ban hành tiếp các quy định và quy chế cụ thể dưới luật cho từng mỏ, có phân biệt cho từng mỏ có phương pháp và kỹ thuật khai thác khác nhau và ở các vùng địa lý khác nhau.

- ❖ Quy định hệ thống tổ chức và cơ quan có thẩm quyền về quản lý và kiểm soát môi trường ở các vùng mỏ. Xác định trách nhiệm và quyền hạn của các cấp chính quyền địa phương, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng đối với việc bảo vệ môi trường mỏ.

- ❖ Xây dựng và phổ biến luật về khai thác khoáng sản do Nhà nước ban hành và các văn bản dưới luật về khai thác mỏ, các quy chế, thể lệ về kế hoạch hoá và quản lý môi trường vùng mỏ, hoàn thiện các tiêu chuẩn về môi trường mỏ ở từng điều kiện địa phương.

b. Các giải pháp mang tính kinh tế:

- ❖ Cần đầu tư thích đáng cho công tác điều tra cơ bản về địa chất và khoáng sản để đánh giá trữ lượng, chất lượng, vị trí phân bố của các loại khoáng sản để phục vụ cho công tác quy hoạch khai thác khoáng sản.

- ❖ Trong kế hoạch kinh tế-xã hội của địa phương (kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm và kế hoạch dài hạn), nhất thiết phải đề cập đến các vấn đề sau đây:

- + Đánh giá kiểm điểm công tác khai thác mỏ cần kiểm điểm vấn đề môi trường ở các vùng mỏ,

những biện pháp về bảo vệ môi trường đã được tiến hành, kết quả và những tiến bộ, những vấn đề tồn tại, đặc biệt đi sâu phân tích nguyên nhân gây ra ô nhiễm lớn ở các vùng có nhiều mỏ, từ đó đề ra các vấn đề kinh tế và xã hội cần giải quyết.

- + Tiến hành công tác cải tạo đất, trồng cây gây rừng khắc phục các tác hại lâu dài về địa chất, sinh thái gây ra ở những vùng mỏ cũ, mỏ bỏ hoang hoặc vắng chủ, khôi phục lại cảnh quan phục vụ du lịch, bảo vệ các di tích lịch sử văn hoá, lịch sử,... ở vùng mỏ.

c. Các giải pháp về kỹ thuật, khoa học công nghệ:

- ❖ Cần thay thế cải tiến công nghệ, kỹ thuật và phương pháp khai thác đã lạc hậu, nhằm hạn chế đến mức tối đa các ô nhiễm gây ra đối với đất đai, nước uống, sông ngòi, thủy văn, địa chất, sinh thái,... bảo vệ tốt sức khỏe của lao động trong các mỏ nhất là đối với phụ nữ và trẻ em và sức khỏe của dân cư vùng mỏ.

- ❖ Nghiên cứu tác động tiềm tàng và lâu dài của công tác khai khoáng đối với môi trường vùng mỏ để có các biện pháp công nghệ, kỹ thuật và các biện pháp khác nhằm xoá bỏ, loại trừ các tác động tiêu cực, bảo vệ môi trường vùng mỏ. Đẩy mạnh công tác trồng cây gây rừng ở các vùng mỏ (vừa có tác dụng chống xói mòn đất đai, vừa có tác dụng thanh lọc khí bụi, các khí độc hại và vật lơ lửng trong không khí).

- ❖ Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chuẩn cho phép về chất lượng phế thải được đưa vào bãi thải, chất lượng nước thải được đổ ra sông ngòi, nồng độ khí thải được phép thải ra không khí, các tiêu chuẩn về nổ mìn, về tiếng ồn, về độ rung,... được phép cho từng loại mỏ.

- ❖ Chỉ cho phép nhận các công nghệ, kỹ thuật và áp dụng các phương pháp khai thác mỏ gây ít ô nhiễm, các công nghệ kỹ thuật sạch, vừa bảo vệ được môi trường vừa tiết kiệm, sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản.

- ❖ Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển nhằm tìm ra các phương pháp khai thác khoáng sản tốt hơn, các biện pháp kỹ thuật bảo vệ môi trường nhằm hạn chế đến mức tối đa các tác động tiêu cực đối với môi trường, sinh thái và con người.

d. Các giải pháp hỗ trợ:

- ❖ Thiết lập lại kỷ cương trong khai thác tài nguyên khoáng sản, chấm dứt việc khai thác bất hợp pháp, tự do.

- ❖ Phát huy sức mạnh tổng hợp của chính quyền, của cơ quan quản lý môi trường, các đoàn thể và các hội quần chúng ngay tại cơ sở, tại vùng mỏ, đề cao trách nhiệm của các chủ mỏ, kết hợp sức mạnh của pháp luật với sự đấu tranh của lao động ở mỏ và nhân dân ở gần vùng mỏ.

❖ Xử lý nghiêm minh các vụ vi phạm, có hình thức biểu dương khen thưởng thích hợp đối với những cơ sở địa phương, cá nhân có nhiều đóng góp vào việc bảo vệ tốt môi trường vùng mỏ.

❖ Tổ chức đăng báo, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng một cách rộng rãi, thường xuyên trong dân chúng ở các vùng mỏ để ‘dân biết dân góp ý kiến và dân kiểm tra việc thực hiện’.

❖ Cần cụ thể hoá các điều khoản trong luật lao động về bảo vệ môi trường cho lao động ở mỏ, đặc biệt chú ý nữ công nhân mỏ và trẻ em.

3.2.2. Nâng cao nhận thức về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp tham gia hoạt động khoáng sản

Trong chương trình khai thác khoáng sản VLXD tại Bình Phước, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp khai khoáng cần được thể hiện bằng:

❖ Trách nhiệm về hiệu quả kinh tế: Nhiệm vụ của doanh nghiệp khai khoáng trước hết là tối đa hóa lợi nhuận, sản xuất kinh doanh có hiệu quả cả về kinh tế, xã hội, môi trường. Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có lãi mới có khả năng phát triển và đóng góp cho xã hội.

❖ Trách nhiệm tuân thủ pháp luật: tuân thủ trình tự thủ tục pháp lý trong hoạt động khoáng sản, tuân thủ quy định trong việc đảm bảo quyền lợi của địa phương và người dân vùng khai thác VLXD, tuân thủ chặt chẽ quy chế về bảo vệ môi trường, hoàn thổ và phục hồi môi trường...

❖ Trách nhiệm về đạo đức kinh doanh: Ngoài tuân thủ quy định của pháp luật, doanh nghiệp khai khoáng có trách nhiệm tuân thủ các quy tắc ứng xử và giá trị xã hội. Hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với cải tiến quy trình công nghệ, quy trình quản lý, hướng tới việc không ngừng nâng cao hiệu quả sinh thái (sử dụng tài nguyên ít nhất, nhưng tăng được khối lượng sản phẩm với chất lượng và giá trị cao hơn), cải thiện môi trường và điều kiện sống ngày càng tốt hơn cho cộng đồng địa phương.

❖ Trách nhiệm hoạt động từ thiện: Mọi hoạt động từ thiện chỉ có ý nghĩa khi doanh nghiệp nghiêm túc thực hiện trách nhiệm về hiệu quả kinh tế, tuân thủ pháp luật. Nếu không thực hiện tốt hai trách nhiệm nền tảng này thì hoạt động từ thiện chỉ nhằm mục đích che đậy những hành vi khuất tất trong quá trình khai thác chế biến khoáng sản. Trách nhiệm hoạt động từ thiện là tham gia đóng góp tự nguyện xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội, hỗ trợ xóa đói giảm nghèo...

Thể hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp trong khai thác chế biến khoáng sản VLXD tại Bình Phước, là tạo giá trị lợi nhuận tối đa, góp phần tăng trưởng GDP; thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và nâng cao trách nhiệm xã hội, hài hòa lợi ích của đối tác, khách hàng, người lao

động, chính quyền và cộng đồng dân cư địa phương, đảm bảo an sinh xã hội và ổn định chính trị. Nội dung kinh doanh bền vững bao gồm: Phát triển kinh doanh và tăng trưởng kinh tế; bảo vệ môi trường và bảo tồn thiên nhiên và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

3.3. Cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển tài nguyên khoáng sản VLXD tại Bình Phước

Vấn đề khai thác khoáng sản VLXD tại Bình Phước đứng trước hàng loạt các bài toán nan giải khác về lợi thế so sánh trong kinh tế, yêu cầu BVMT và phát triển bền vững.

a. Về thể chế, chính sách

Xây dựng chế tài đủ mạnh để xử lý các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai khoáng không đầu tư xây dựng các công trình BVMT, cũng như hệ thống xử lý chất thải, khí thải...

Xây dựng thể chế rõ ràng, minh bạch trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và môi trường đối với các cơ quan quản lý nhà nước. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan Trung ương và địa phương; giữa UBND các cấp (tỉnh, huyện, xã); giữa các Sở, ban ngành cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản và môi trường, nhằm tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Xây dựng chính sách đồng bộ đối với các dự án đầu tư xây dựng các công trình xử lý môi trường, đặc biệt là dự án xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung.

b. Về tổ chức thực hiện

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản dưới nhiều hình thức và phương pháp phù hợp. Tập trung phổ biến, quán triệt nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về khoáng sản.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, nhất là các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản. Tập trung kiểm tra, xử lý dứt điểm tình trạng khai thác khoáng sản trái phép ở một số khu vực trên địa bàn tỉnh.

Hạn chế và tiến tới chấm dứt tình trạng đầu tư khai thác khoáng sản manh mún, nhỏ lẻ, kém hiệu quả; chỉ cho phép doanh nghiệp có vốn đầu tư lớn, có năng lực quản lý và công nghệ hiện đại tham gia thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản quan trọng và chiến lược.

Xây dựng chiến lược bảo vệ tài nguyên khoáng sản nhằm khai thác, chế biến, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả, gắn với công tác BVMT.

Tăng cường đầu tư cho công tác nghiên cứu, cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ khai thác, chế

biến khoáng sản nhằm tận thu, nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm từ khoáng sản. Xây dựng, phát triển các khu công nghiệp, tiểu công nghiệp chế biến sâu khoáng sản và các làng nghề, để nâng cao sức cạnh tranh, thu hút đầu tư.

c. Về nguồn lực

Đối với cán bộ, công chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về khoáng sản ở địa phương: Tiếp tục, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về pháp luật, quản lý nhà nước, công nghệ kỹ thuật khai thác chế biến khoáng sản.

d. Đối với các doanh nghiệp khai thác khoáng sản: Bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về pháp luật, kỹ thuật khai thác mỏ, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, BVMT... cho giám đốc các doanh nghiệp, giám đốc điều hành mỏ, đội ngũ công nhân kỹ thuật.

3.4. Phát triển bền vững công nghiệp khai thác VLXD tại Bình Phước

❖ Tăng cường tuyên truyền, phổ biến Luật Khoáng sản năm 2010, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vốn, thiết bị, công nghệ trong khai thác, chế biến khoáng sản; tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khai thác, chế biến khoáng sản trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản.

❖ Có chính sách cụ thể nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư một cách nghiêm túc, có hiệu quả, nhất là khai thác, sử dụng triệt để, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản trong quá trình khai thác, chế biến khoáng sản; đồng thời bảo vệ môi trường, môi sinh trong quá trình khai thác, đạt mục tiêu phát triển bền vững trong hoạt động khoáng sản; có chính sách cụ thể nhằm khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đầu tư các dự án khoáng sản có quy mô lớn.

❖ Nâng cao trình độ thẩm định về năng lực của các tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản: trên thực tế, do không đủ năng lực về trang thiết bị, công nghệ, nhân lực,... một số tổ chức cá nhân sau khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đã thuê các đơn vị khai thác và chỉ quan tâm kiểm tra, giám sát khối lượng sản phẩm mà không quan tâm đến việc các đơn vị được thuê khai thác có tuân thủ các quy định của pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực có liên quan hay không. Các đơn vị được thuê khai thác thì cho rằng việc chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường là nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ giấy phép khai thác khoáng sản; họ chỉ tập trung và khối lượng sản phẩm được khai thác, chỉ khai thác những chỗ dễ khai thác, nhiều khoáng sản, thuận tiện cho việc vận

chuyển. Chính vì những lý do trên mà việc chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản đối với những trường hợp thuê khai thác trên thực tế là không đảm bảo, gây thất thoát, lãng phí tài nguyên, hủy hoại cảnh quan, môi trường.

❖ Thực hiện nghiêm túc, nâng cao chất lượng thẩm định nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM)/cam kết bảo vệ môi trường trong công tác cấp giấy phép khai thác khoáng sản: báo cáo ĐTM/cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt là một trong những cơ sở để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét việc cấp giấy phép khai thác. Việc kiểm tra, xác nhận việc thực hiện những nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường cũng cần được quan tâm, yêu cầu các chủ dự án phải xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, và thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường theo nội dung ĐTM đã được phê duyệt. Trên thực tế, có nhiều ĐTM được xây dựng sơ sài, hình thức, không phản ánh đầy đủ những tác động môi trường của các dự án khai thác đến môi trường, cũng như không đề ra được các biện pháp hợp lý và hiệu quả để khắc phục môi trường; bên cạnh đó, việc không tuân thủ những nội dung đã được phê duyệt trong ĐTM chính là những nguyên nhân cơ bản dẫn đến hậu quả là các dự án khai thác tài nguyên gây ảnh hưởng lớn đến môi trường, đặc biệt các dự án khai thác khoáng sản có quy mô lớn, có vị trí đầu nguồn sông, suối, gần các khu rừng phòng hộ hay rừng tự nhiên.

❖ Phát triển bền vững các công ty khai khoáng

+ Thực tế cho thấy là để có thể tồn tại và phát triển được, các công ty khai khoáng phải đề ra những giải pháp để thực hiện khai thác bền vững của mình như:

+ Lôi kéo cộng đồng quan tâm xác định vị trí, mặt bằng mỏ và thực hiện những sáng kiến khai thác bền vững của họ.

+ Tìm kiếm, cam kết và hỗ trợ đối thoại về sản xuất - kinh doanh của họ.

+ Khuyến khích thực hiện xuyên suốt trong công ty để đạt được quản lý tài nguyên bền vững ở những nơi mà họ hoạt động.

+ Tiến hành mọi hoạt động sản xuất-kinh doanh với độ hoàn hảo cao, minh bạch và tinh thần trách nhiệm cao.

+ Bảo vệ sức khỏe và an toàn cho người lao động và cộng đồng, đóng góp các sáng kiến nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh, sử dụng và tái sử dụng khoáng sản một cách an toàn và thân thiện với môi trường.

+ Tìm cách giảm thấp nhất ảnh hưởng của hoạt động sản xuất đến môi trường và đa dạng sinh học

thông qua các bước phát triển, từ thăm dò đến đóng cửa mỏ.

+ Tôn trọng quyền con người, đối xử công bằng, tôn trọng nhân phẩm; tôn trọng văn hoá, tập tục và giá trị con người tham gia hoạt động sản xuất. Công nhận và tôn trọng vai trò, đóng góp và quan tâm đến người dân bản địa.

+ Có trách nhiệm với cộng đồng, đối với nhu cầu và mối quan tâm thông qua tất cả các giai đoạn từ thăm dò, phát triển, khai thác và đóng cửa mỏ. Đem lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng địa phương thông qua chương trình phát triển bền vững để đem lại cho họ chăm sóc kinh tế, môi trường, xã hội, giáo dục và sức khoẻ.

Từ những nhận định và phân tích trên, vấn đề phát triển công nghiệp khai thác vật liệu xây dựng tại Bình Phước đang rất cần những nghiên cứu kỹ lưỡng, cần có những hoạch định mang tính chiến lược cho mục tiêu phát triển ngắn hạn và dài hạn. Từ kết quả nghiên cứu, một số ý tưởng cũng như giải pháp cần làm được đề xuất để ngành công nghiệp khai thác vật liệu xây dựng thực sự có hiệu quả và có đóng góp quan trọng cho mục tiêu phát triển giàu mạnh và bền vững của tỉnh Bình Phước:

4. Kết luận và kiến nghị

Với tiềm năng to lớn về tài nguyên khoáng sản vật liệu xây dựng, việc khai thác và chế biến khoáng sản vật liệu xây dựng sẽ góp phần vào việc phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh. Quá trình khai thác và chế biến vật liệu xây dựng sẽ tạo công ăn việc làm cho hàng chục ngàn lao động; tiếp thêm ánh sáng văn hoá vào vùng sâu, vùng xa; tạo tiền đề để hình thành các cụm dân cư công nghiệp, có các dịch vụ hiện đại kèm theo, có đời sống văn hoá-tinh thần cao, góp phần "Gắn phát triển kinh tế-xã hội với đảm bảo an ninh quốc phòng. Bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh trên toàn tuyến biên giới quốc gia (Việt Nam-Campuchia); giữ vững ổn định an ninh, chính trị và trật tự xã hội toàn xã hội".

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích to lớn mang lại thì trong quá trình triển khai các dự án khai thác, chế biến vật liệu xây dựng cũng sẽ gây ra những tác động không nhỏ tới đời sống xã hội của cộng đồng, đặc biệt là vấn đề ô nhiễm môi trường.

Để phát triển bền vững ngành khai thác và chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cần thiết phải có chiến lược tổng thể thực hiện từ tầm vĩ mô cho tới vi mô, từ khâu thăm dò, khai thác, chế biến và tiêu thụ.

Từ đó, tác giả kiến nghị một số giải pháp nhằm phát triển bền vững ngành công nghiệp khai thác và chế biến vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước như sau:

- ❖ Xây dựng công nghệ thân thiện với môi trường trong khai thác, chế biến khoáng sản vật liệu xây dựng;
- ❖ Nghiên cứu phương án vận tải và đầu tư xây dựng hệ thống giao thông cho các dự án khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng;
- ❖ Nâng cao năng lực quản lý, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản vật liệu xây dựng;
- ❖ Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển bền vững tài nguyên khoáng sản vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Văn Khảm. Đánh giá tiềm năng khoáng sản bauxit vùng Tây Nguyên và nghiên cứu các giải pháp phát triển bền vững ngành công nghiệp bauxit ở Việt Nam. Luận văn Thạc sĩ kỹ thuật, Trường Đại học Mỏ-Địa chất, 2013.
2. Chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản ở Việt Nam. 2012.
3. Phạm Chung Thủy, Pháp luật về hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản ở Việt Nam, Luận văn Thạc sĩ ngành Luật Kinh tế, 2012.
4. Dự án quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Bình Phước đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. 2006.
5. <http://doc.edu.vn/tai-lieu/chuyen-de-khai-thac-va-su-dung-ben-vung-tai-nguyen-khoang-san-tinh-son-la-22244/>.
6. <http://vea.gov.vn/vn/truyenthong/tapchimt>

Người biên tập: Hồ Sĩ Giao

SUMMARY

The paper offers the necessities of the problem assessing the mineral construction material resources to developing the exploration, exploitation, processing and using them in the Bình Phước province.



1. Đàn bà thấy cái mà người ta nói về họ. Đàn ông thấy cái mà người ta nghĩ về họ. F. Hebbel.
2. Người đàn bà là một vũ trụ nhỏ và muốn điều khiển được họ, cần phải có một tài năng vĩ đại như là tài để cai trị một quốc gia. Foote.
3. Đàn ông tìm người đàn bà của mình trong tất cả những người đàn bà. Đàn bà thì tìm tất cả những người đàn ông chỉ trong một người đàn ông. Carl Jung.

VTH sưu tầm